

BỘ QUỐC PHÒNG**BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 95/2014/TT-BQP

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2014

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thi hành Nghị định số 120/2013/NĐ-CP
ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu**

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;**Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;**Căn cứ Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu;**Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;**Căn cứ Nghị định số 09/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Cơ yếu Chính phủ;**Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng,**Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn thi hành Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu (sau đây viết gọn là Nghị định số 120/2013/NĐ-CP).

2. Các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, người được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Xác định mức tiền phạt trong các trường hợp cụ thể

1. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng trung bình giữa mức tối đa của khung tiền phạt và mức tối thiểu của khung tiền phạt.

2. Đối với hành vi vi phạm hành chính có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính thì mức tiền phạt có thể được giảm xuống thấp hơn so với mức trung bình của khung hình phạt nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung hình phạt đó; nếu có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính thì mức tiền phạt có thể tăng trên mức trung bình của khung hình phạt nhưng không được cao hơn mức tối đa của khung hình phạt đó.

3. Đối với hành vi vi phạm hành chính vừa có tình tiết giảm nhẹ, vừa có tình tiết tăng nặng thì xem xét theo nguyên tắc giảm trừ, cứ một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Sau khi giảm trừ, nếu không còn tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì xác định mức tiền phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều này; trường hợp còn tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng thì xác định mức tiền phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 4. Mẫu biểu sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính

Mẫu biểu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành, quản lý, sử dụng mẫu biểu xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, CƠ YẾU

Điều 5. “Lý do chính đáng” quy định tại Khoản 1 Điều 5, Khoản 1 Điều 6, Khoản 1 Điều 7, Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP

1. “Lý do chính đáng” quy định tại Khoản 1 Điều 5, Khoản 1 Điều 6, Khoản 1 Điều 7, Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là một trong các lý do sau:

a) Người phải thực hiện việc sơ tuyển nghĩa vụ quân sự; kiểm tra hoặc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự; khám sức khỏe tuyển chọn sĩ quan dự bị; chấp hành lệnh gọi nhập ngũ; lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị; lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu (sau đây viết gọn là người thực hiện nghĩa vụ quân sự) nhưng bị ốm hoặc trên đường đi bị ốm, tai nạn;

b) Thân nhân của người thực hiện nghĩa vụ quân sự gồm bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp đang bị ốm nặng;

c) Thân nhân của người thực hiện nghĩa vụ quân sự gồm bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp chết nhưng chưa tổ chức tang lễ;

d) Nhà ở của người thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc nhà ở của thân nhân người thực hiện nghĩa vụ quân sự nằm trong vùng đang bị thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn làm ảnh hưởng đến cuộc sống;

đ) Người thực hiện nghĩa vụ quân sự không nhận được giấy gọi sơ tuyển nghĩa vụ quân sự; kiểm tra hoặc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự; khám sức khỏe tuyển chọn sĩ quan dự bị; lệnh gọi nhập ngũ; lệnh gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị; lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu do lỗi của người hoặc cơ quan có trách nhiệm hoặc do hành vi của người khác gây khó khăn hoặc cản trở quy định tại Điều 8 Chương II Thông tư này.

2. Trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc bệnh viện, trạm y tế cấp xã; trường hợp quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều này phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Hành vi “gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình” quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 và Điểm a Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP

Hành vi “gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình” quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 và Điểm a Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là một trong các hành vi sau:

1. Sử dụng các hình thức hoặc biện pháp làm thay đổi tình trạng sức khỏe của bản thân.

2. Sửa chữa kết quả về tình trạng sức khỏe của bản thân trong thực hiện kiểm tra hoặc khám sức khỏe.

3. Nhờ người khác để kiểm tra hoặc khám sức khỏe thay.

Điều 7. Hành vi “chứa chấp, bao che quân nhân đào ngũ” quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP

Hành vi “chứa chấp, bao che quân nhân đào ngũ” quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là một trong các hành vi sau:

1. Để quân nhân đào ngũ ở nhà mình hoặc ở cơ quan, tổ chức mà không khai báo với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.
2. Đưa quân nhân đào ngũ đi trốn hoặc cung cấp phương tiện, vật chất để quân nhân đào ngũ lần trốn.
3. Làm các giấy tờ để hợp thức cho hành vi đào ngũ.

Điều 8. Hành vi “cản trở” quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP

1. Hành vi “cản trở” quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là hành vi do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện, thể hiện bằng một trong các hành vi sau:

- a) Không thông báo hoặc thông báo chậm các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ;
- b) Dùng lời nói, hành động ngăn cản, đe dọa về vật chất hoặc tinh thần đối với người có trách nhiệm thi hành nhiệm vụ về đăng ký nghĩa vụ quân sự, sơ tuyển nghĩa vụ quân sự, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự, thực hiện lệnh gọi nhập ngũ.

2. Hành vi “cản trở” quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là hành vi biểu hiện bằng lời nói hoặc hành động như ngăn cản, đe dọa về vật chất hoặc tinh thần để người khác không dám tham gia lực lượng dân quân tự vệ hoặc làm cho người có trách nhiệm trong việc tổ chức, chỉ huy, điều hành lực lượng dân quân tự vệ không thực hiện được nhiệm vụ của mình đối với việc tổ chức, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ.

3. Hành vi “cản trở” quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là hành vi biểu hiện bằng lời nói hoặc hành động như ngăn cản, đe dọa về vật chất hoặc tinh thần đối với cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng, sản xuất quân trang

Quân trang được quy định tại Khoản 2 Điều 8, Điều 32, Điều 33 và Điều 34 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP là trang phục được sử dụng trong Quân đội theo quy định của Chính phủ.

Điều 10. Xác định giá trị quyền sử dụng đất bị lấn chiếm quy thành tiền theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP

Giá trị quyền sử dụng đất quy thành tiền đối với diện tích đất bị lấn chiếm theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP được tính bằng diện tích đất bị lấn chiếm nhân với giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất đó quy định tại thời điểm lập biên bản về vi phạm hành chính.

Diện tích đất bị lấn chiếm là diện tích đất được ghi trong biên bản về vi phạm hành chính. Trường hợp người có hành vi vi phạm hành chính khiếu nại về số liệu diện tích đất thì người khiếu nại có quyền yêu cầu người có thẩm quyền xử phạt cho trưng cầu giám định. Chi phí giám định do người bị xử phạt trả đối với trường hợp kết quả giám định phù hợp với số liệu diện tích đất ghi trong biên bản về vi phạm hành chính (kết quả giám định diện tích đất được sai lệch trong giới hạn cho phép là 0,25%).

Điều 11. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 120/2013/NĐ-CP

1. Khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 120/2013/NĐ-CP, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản theo quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết gọn là Nghị định số 81/2013/NĐ-CP). Trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, số đăng ký (nếu có), tình trạng, chất lượng của vật, tiền, hàng hóa, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến; trường hợp người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cần được niêm phong thì phải niêm phong trước sự chứng kiến của người bị xử phạt, đại diện tổ chức bị xử phạt hoặc người chứng kiến; việc niêm phong phải được ghi nhận vào biên bản.

2. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ, người có thẩm quyền xử phạt phát hiện tình trạng tang vật, phương tiện có thay đổi so với thời điểm ra quyết định tạm giữ thì phải lập biên bản về những thay đổi này; biên bản phải có chữ ký của người lập biên bản, người có trách nhiệm tạm giữ và người chứng kiến.

3. Xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 82 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 12. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng quy định tại Khoản 3 Điều 19, Khoản 6 Điều 20 của Nghị định số 120/2013/NĐ-CP và hình thức xử phạt quy định tại Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP

1. Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng một lần, trong đó có từ hai hành vi trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, thì áp dụng thời hạn tước quyền sử dụng giấy